

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Khung chương trình đào tạo Tâm lý học giáo dục, trình độ đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐDHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

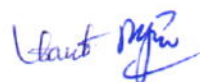
Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Tâm lý học giáo dục, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Tâm lý học giáo dục, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- DHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC KHÓA 59

Tên chương trình: Tâm lý học giáo dục

Trình độ đào tạo: Đại

học Ngành đào tạo: Tâm lý học giáo dục

Mã ngành: 7310403

(Ban hành theo Quyết định số: 2267 /QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm)

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận/ semina	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				4
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	12	6	30					1
11	59PHE121	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					1
12	59PHE122	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					2
13	59PHE123	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	3	05 tuần tập trung							3
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		51								
2.1	Kiến thức cơ sở		18								
Các học phần bắt buộc			12								
15	59NEP231	Sinh lý học thần kinh cấp cao	3	27	12	12	12				1
16	59GEP231	Tâm lý học đại cương	3	27	12	12	12				1
17	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59GEP231	3
18	59GSW231	Công tác xã hội đại cương	3	27	8	16	12			59GEP231	2

Chant pyc

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận/ semina	Thực tế CM			
Các học phần tự chọn			6								
19	59GSM231	Tâm lý học tuyên truyền	3	27	15	15	6			59GEP231	7
20	59OSA231	Chuyên đề Kỹ năng tổ chức các hoạt động xã hội	3	27	8	20	8			59GEP231	7
21	59MID231	Tâm bệnh học	3	31	10	8	10			59GEP231	6
22	59CDE231	Văn hóa và phát triển	3	27	12	12	12				1
23	59GME231	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành GD và ĐT	3	32	10	8	8			59GEP231	2
2.2	Kiến thức ngành		33								
Các học phần bắt buộc			21								
24	59SPS331	Tâm lý học xã hội	3	27	12	14	10			59GEP231	3
25	59LSE331	Giáo dục kỹ năng sống	3	27	12	20	4			59PEP431	5
26	59RMP331	Phương pháp nghiên cứu Tâm lý học	3	27	9	12	6	9		59GEP231	4
27	59DOP331	Tâm lý học phát triển	3	27	9	12	6	9		59GEP231	2
28	59IED331	Giáo dục hòa nhập	3	27	7	10	10	9			7
29	59CID331	Tâm lý học trẻ có nhu cầu đặc biệt	3	27	9	12	6	9		59GEP231	4
30	59GSP331	Tâm lý học giới và giới tính	3	27	10	16	10			59GEP231	2
Các học phần tự chọn			12								
31	59FPS331	Tâm lý học gia đình	3	27	12	9	6	9		59GEP231	3
32	59ODC331	Phát triển cộng đồng	3	32	8	10	8				6
33	59SCU331	Văn hóa học đường	3	34	6	8	8				1
34	59CCP331	Tâm lý học xuyên văn hóa	3	27	08	14	05	09		59GEP231	4
35	59OCP331	Đại cương về Tâm lý học lâm sàng	3	27	10	10	16			59GEP231	4
36	59ECD331	Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật	3	27	10	8	9	9		59GEP231	7
37	59GVO331	Đại cương về giáo dục hướng nghiệp	3	32	8	10	8			59PEP431	5

Handwritten signature

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận/ semina	Thực tế CM			
38	59PSS331	Hỗ trợ tâm lý học đường cho học sinh có hành vi lệch chuẩn	3	27	10	8	9	9		59DOP331	5
39	59BEP331	Tâm lý học ứng xử	3	27	12	16	8			59DOP331	2
III Kiến thức nghiệp vụ			44								
Các học phần bắt buộc			29								
40	59SES431	Giáo dục giới tính và sức khỏe tình dục	3	32	8	10	8			59PEP431; 59GSP331	7
41	59SWS431	Công tác xã hội trong trường học	3	27	8	16	12			59GSW231	5
42	59VOA431	Tư vấn hướng nghiệp	3	27	10	12	14			59PEP431	6
43	59COP431	Tham vấn tâm lý	3	27	12	20	4			59GEP231	6
44	59DAP431	Chẩn đoán, đánh giá Tâm lý	3	27	8	14	5	9		59SCP431	6
45	59SCP431	Tâm lý học học đường	3	27	8	14	5	9		59GEP231	7
46	59PRP431	Thực hành nghiệp vụ 1	3	9		72					3
47	59PRP432	Thực hành nghiệp vụ 2	3	9		72				59PRP431	6
48	59TRA421	Thực tập nghề nghiệp 1	2	03 tuần ở cơ sở thực tập						59PRP431	5
49	59TRA432	Thực tập nghề nghiệp 2	3	07 tuần ở cơ sở thực tập					59TRA 421	59PRP431; 59PRP432	8
Các học phần tự chọn			15								
50	59OEA431	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường phổ thông	3	27	9	18	9			59PEP431	5
51	59DIP431	Tâm lý học khác biệt	3	27	9	12	6	9			5
52	59CFE431	Phối hợp các lực lượng trong giáo dục	3	30	10	10	10				6
53	59LAP431	Tâm lý học lao động	3	27	12	12	12				4
54	59TPW431	Công tác Đoàn - Đội	3	17	4	39	4	9		59PEP431	7
55	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59GEP231; 59PEP431	3
56	59IEE431	Đổi mới sáng tạo và Giáo dục khởi nghiệp	3	32	10	6	10				1
IV Khóa luận tốt nghiệp			6								
57	59TEP904	Khoá luận tốt nghiệp	6							59TRA421	8
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								

Chữ ký

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kì dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Thảo luận/ semina	Thực tế CM			
58	59LES931	Chuyên đề Phong cách học tập	3	34	8	6	8			59TRA421	8
59	59PDV931	Chuyên đề Phòng chống bạo lực học đường	3	27	9	12	6	9		59TRA421	8
60	59CSP931	Chuyên đề Kỹ năng tham vấn qua điện thoại và Internet	3	27	12	20	4			59TRA421	8
61	59PDT931	Chuyên đề Kỹ luật tích cực trong dạy học và giáo dục học sinh	3	27	10	20	6			59TRA421	8
62	59SDG931	Thích ứng xã hội của các nhóm yếu thế ở Việt Nam	3	27	8	8	20			59TRA421	8
Tổng cộng			127								

Ghi chú: Tổng số **127 tín chỉ** (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Leant Ngia